



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-41
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019</i>	14-41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900233261 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 16 tháng 5 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 06 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07 ngày 25 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 7: 238.433.050.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
Điện thoại : (84-0321) 399 7185
Fax : (84-0321) 398 0908
Website : <http://www.inoxthienquang.com.vn/>
Mã số thuế : 0 9 0 0 2 3 3 2 6 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Quảng	Chủ tịch
Ông Lê Quyết Tiến	Ủy viên
Ông Kiều Văn Dũng	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Ngọc Phần	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên
Bà Cao Thị Huyền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Quảng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2020
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Quảng

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quảng

Số : 0207.01.02/2019/ NVT2-BCTC
Ngày : 17 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2020 từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh
GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

Vũ Thị Thiết
GCNDKHNKT số: 3980-2017-124-1



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		337.958.711.920	356.288.455.552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.380.901.875	6.731.476.850
1. Tiền	111		13.380.901.875	6.731.476.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.441.603.821	182.380.387.064
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	154.992.042.148	176.859.018.067
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.240.053.268	1.144.075.064
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3.000.000.000	4.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	209.508.405	377.293.933
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		152.253.094.588	156.178.099.596
1. Hàng tồn kho	141	V.7	152.253.094.588	156.178.099.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.883.111.636	998.492.042
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.002.422.447	789.088.793
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		379.738.757	91.636.502
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	500.950.432	117.766.747
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.808.145.739	78.081.879.665
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		65.043.735.824	75.200.037.109
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	58.287.251.624	68.411.457.109
<i>Nguyên giá</i>	222		115.662.840.559	115.452.640.332
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(57.375.588.935)	(47.041.183.223)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.756.484.200	6.788.580.000
<i>Nguyên giá</i>	228		7.141.646.800	7.141.646.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(385.162.600)	(353.066.800)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		88.000.000	88.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	88.000.000	88.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.676.409.915	2.793.842.556
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.676.409.915	2.793.842.556
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		405.766.857.659	434.370.335.217

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		147.604.410.905	176.494.543.332
I. Nợ ngắn hạn	310		147.604.410.905	176.494.543.332
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	56.914.416.976	80.249.884.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.444.235.642	374.345.005
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	491.782.164	1.940.686.908
4. Phải trả người lao động	314		1.888.293.410	1.652.321.127
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	91.608.000	114.387.632
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	58.307.381	553.902.456
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	86.633.612.229	91.305.463.258
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	82.155.103	303.552.510
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.162.446.754	257.875.791.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	258.162.446.754	257.875.791.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.433.050.000	238.433.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.433.050.000	238.433.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.036.181.155	4.415.094.712
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.693.215.599	15.027.647.173
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.945.031.615	8.085.595.308
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		748.183.984	6.942.051.865
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		405.766.857.659	434.370.335.217

Người lập biểu

Phan Thị Hoài Thương

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thương

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quang

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	459.068.184.433	457.130.140.028
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	634.424.655	558.004.818
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		458.433.759.778	456.572.135.210
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	433.494.135.717	420.964.605.389
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.939.624.061	35.607.529.821
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.260.900.333	1.306.858.085
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.497.854.821	8.612.569.906
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.751.799.756	6.548.252.274
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.597.918.687	7.933.665.939
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.200.860.962	12.084.638.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		903.889.924	8.283.513.772
11. Thu nhập khác	31	VI.7	334.233.701	578.944.471
12. Chi phí khác	32	VI.8	84.276.095	59.274.904
13. Lợi nhuận khác	40		249.957.606	519.669.567
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.153.847.530	8.803.183.339
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	405.663.546	1.861.131.474
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>748.183.984</u>	<u>6.942.051.865</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>30</u>	<u>277</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc

Phan Thị Hoài Thương

Phan Thị Hoài Thương



Nguyễn Văn Quảng

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quảng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		520.550.136.738	459.339.283.020
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(462.327.360.054)	(414.983.973.180)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.975.317.210)	(15.507.912.672)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6.774.579.388)	(6.539.464.538)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.782.802.569)	(1.256.495.114)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		819.221.351	698.064.711
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.865.822.060)	(14.232.048.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.643.476.808	7.517.454.060
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.559.000.000)	(8.076.978.233)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		29.700.000	572.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.143.031.533	891.110.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		613.731.533	(10.613.867.299)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		296.192.594.033	327.767.205.157
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(300.864.445.062)	(328.976.290.423)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.671.851.029)	(1.209.085.266)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.585.357.312	(4.305.498.505)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.731.476.850	11.042.088.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		64.067.713	(5.113.299)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13.380.901.875	6.731.476.850

Người lập biểu

Phan Thị Hoài Thương

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thương

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quảng

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quảng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, buôn bán sản phẩm thép không gỉ. Sản xuất, buôn bán sản phẩm nhựa xốp.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
 - Dịch vụ đóng gói;
 - Cho thuê xe có động cơ; Chi tiết: Cho thuê ô tô;
 - Sản xuất sắt, thép, gang;
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Đúc sắt, thép;
 - Đúc kim loại màu;
 - Sản xuất các cấu kiện kim loại;
 - Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
 - Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
 - Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
 - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
 - Tái chế phế liệu (trừ tái chế chì và ác quy);
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
 - Phá dỡ;
 - Chuẩn bị mặt bằng;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá;
 - Buôn bán kim loại và quặng kim loại;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
 - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất đồ điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không có.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR,...v....

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Vietcombank chi nhánh Hưng Yên là 23.110 VND/USD và 25.748,15 VND/EUR.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Vietcombank chi nhánh Hưng Yên là 23.230 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	6 - 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 35 năm (riêng Quyền sử dụng đất tại Khu đấu giá phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội là không thời hạn do đó không trích khấu hao).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được theo dõi riêng là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

c) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

17. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

020
CÔ
CH N
<IẾ
HÂN
3 Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.249.311.290	1.294.495.784
Tiền gửi ngân hàng	12.131.590.585	5.436.981.066
Cộng	<u>13.380.901.875</u>	<u>6.731.476.850</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn(*)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

(*) Là số tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên phát hành ngày 08 tháng 10 năm 2014, số Seri: VB0089123 số tiền: 10.000.000.000 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 300196877-07/HĐTC/Vietinbank-TQ ngày 08 tháng 10 năm 2014.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Năm Dững	-	7.126.349.427
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Linh	8.388.100.140	6.650.340.378
Công ty TNHH Side by Side	5.487.011.395	7.806.983.395
Công ty TNHH Dịch vụ sản xuất và Thương mại Văn Anh	4.262.612.418	6.890.088.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Việt Nga	3.206.340.692	12.883.748.644
Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên	30.332.426.010	25.642.382.089
Công ty Cổ phần thép không rỉ Quang Phát	51.345.873.012	59.763.812.413
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Quản Lý Tài Sản Tinh Anh AM	10.502.598.995	-
Các khách hàng khác	41.467.079.486	50.095.313.721
Cộng	<u>154.992.042.148</u>	<u>176.859.018.067</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Công nghệ Ánh Dương Việt Nam	398.645.367	-
Công ty TNHH Vận tải An Toàn Thắng	-	212.890.000
Công ty TNHH Thương mại Và Dịch Vụ AC Hà Nội	-	326.000.000
TAISHYAN MACHINERY INDUSTRIAL CO., LTD	372.240.000	473.411.070
YANGZHOU JINCHEN STAINLESS STEEL MANUFACTURE CO.	556.335.945	-
JINGBANG INDUSTRIAL LIMITED	301.516.554	-
Các nhà cung cấp khác	611.315.402	131.773.994
Cộng	<u>2.240.053.268</u>	<u>1.144.075.064</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Số dư cuối năm là khoản cho Bà Nguyễn Thị Trà My vay với lãi suất là 9%/năm, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2019.

6. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi quá hạn thanh toán	35.061.722	32.118.723
Lãi dự thu các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	148.499.937	332.339.897
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.946.746	12.835.313
Cộng	209.508.405	377.293.933

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	58.994.105.739	-	65.665.554.248	-
Thành phẩm	78.603.809.559	-	62.401.296.745	-
Hàng hóa	14.655.179.290	-	28.111.248.603	-
Cộng	152.253.094.588	-	156.178.099.596	-

8. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	43.745.980	46.717.289
Công cụ dụng cụ	757.868.134	677.273.925
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	200.808.333	65.097.579
Cộng	1.002.422.447	789.088.793

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí bảo hiểm	46.717.289	116.291.205	(119.262.514)	43.745.980
Công cụ dụng cụ	677.273.925	2.587.335.023	(2.506.740.814)	757.868.134
Các chi phí khác	65.097.579	331.618.366	(195.907.612)	200.808.333
Cộng	789.088.793	3.035.244.594	(2.821.910.940)	1.002.422.447

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.873.093.316	2.242.867.653
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, tài sản	372.262.438	460.628.955
Các chi phí trả trước dài hạn khác	431.054.161	90.345.948
Cộng	2.676.409.915	2.793.842.556

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.242.867.653	1.424.533.999	(1.794.308.336)	1.873.093.316
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, tài sản	460.628.955	336.959.910	(425.326.427)	372.262.438
Các chi phí trả trước dài hạn khác	90.345.948	524.661.070	(183.952.857)	431.054.161
Cộng	2.793.842.556	2.286.154.979	(2.403.587.620)	2.676.409.915

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	41.051.496.136	61.532.812.016	12.868.332.180	115.452.640.332
Tăng trong năm do mua sắm mới		636.363.636	780.909.091	1.417.272.727
Điều chỉnh giảm khác		(802.072.500)		(802.072.500)
Thanh lý, nhượng bán			(405.000.000)	(405.000.000)
Số cuối năm	41.051.496.136	61.367.103.152	13.244.241.271	115.662.840.559
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.148.728.538	10.860.784.389	2.248.722.501	14.258.235.428
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	13.301.227.089	26.383.816.130	7.356.140.004	47.041.183.223
Tăng trong năm do khấu hao	2.244.267.830	6.630.579.949	1.827.046.750	10.701.894.529
Giảm trong năm do thanh lý			(367.488.817)	(367.488.817)
Số cuối năm	15.545.494.919	33.014.396.079	8.815.697.937	57.375.588.935
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	27.750.269.047	35.148.995.886	5.512.192.176	68.411.457.109
Số cuối năm	25.506.001.217	28.352.707.073	4.428.543.334	58.287.251.624

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 105.077.324.498 VND và 49.830.319.165 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tài ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm (*)	7.109.538.000	32.108.800	7.141.646.800
Tăng do mua sắm mới	-	-	-
Số cuối năm	7.109.538.000	32.108.800	7.141.646.800
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	32.108.800	32.108.800
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	320.958.000	32.108.800	353.066.800
Khấu hao trong năm	32.095.800	-	32.095.800
Số cuối năm	353.053.800	32.108.800	385.162.600
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.788.580.000	-	6.788.580.000
Số cuối năm	6.756.484.200	-	6.756.484.200

(*) Bao gồm:

(1) Quyền sử dụng đất tại Khu đấu giá phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 184258; Số vào sổ cấp GCN 4737/QĐ-UBND/4604 do Ủy ban Nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 6 năm 2015 đã được chuyển nhượng từ thành viên quản lý chủ chốt với diện tích 97,23m² và nguyên giá là 5.986.185.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

(2) Giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 409 – C30 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội có Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình lần lượt là 1.123.353.000 VND và 770.299.200 VND. Lô đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Sửa chữa lớn tài sản cố định	88.000.000	-	-	88.000.000
Cộng	88.000.000	-	-	88.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
PROFIT MORE INTERNATIONAL INDUSTRIAL LIMITED	-	4.184.199.721
HONGKONG WINGON PACCIFIC LIMITED	35.902.604.986	43.764.490.529
Công ty TNHH POSCO VST	203.120.532	4.172.183.246
MING DIH INDUSTRY CO., LTD	4.588.854.200	5.471.059.425
Công ty Cổ phần TVL	8.643.136.719	11.210.161.684
Các nhà cung cấp khác	7.576.700.539	11.447.789.831
Cộng	<u>56.914.416.976</u>	<u>80.249.884.436</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Inox Thái An	1.213.735.401	-
Công ty TNHH Inox Nguyên Phát	60.000.000	60.000.000
VIETNAM INDUSTRY CONSULTING (V.I.C SARL)	101.143.856	313.663.644
Các khách hàng khác	69.356.385	681.361
Cộng	<u>1.444.235.642</u>	<u>374.345.005</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	117.766.747	17.836.600.461	(18.219.784.146)	-	500.950.432
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	779.624.473	(779.624.473)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.678.678.809	-	405.663.546	(1.782.802.569)	301.539.786	-
Thuế thu nhập cá nhân	148.648.373	-	254.322.166	(212.920.161)	190.050.378	-
Các loại thuế khác	113.359.726	-	15.187.923	(128.355.649)	192.000	-
Cộng	<u>1.940.686.908</u>	<u>117.766.747</u>	<u>19.291.398.569</u>	<u>(21.123.486.998)</u>	<u>491.782.164</u>	<u>500.950.432</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả trong năm.

16. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	58.307.381	553.902.456
Cộng	58.307.381	553.902.456

17. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	86.633.612.229	86.633.612.229	91.305.463.258	91.305.463.258
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên (a)	30.007.312.180	30.007.312.180	29.642.859.762	29.642.859.762
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên (b)	56.626.300.049	56.626.300.049	61.662.603.496	61.662.603.496
Cộng	86.633.612.229	86.633.612.229	91.305.463.258	91.305.463.258

(a) Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 19.0063/VCB.KH ngày 18 tháng 06 năm 2019. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 50.000.000.000 VNĐ, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, lãi suất khoản vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 140% lãi trong hạn.

Tất cả các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.0015/TC-VCB.HY ngày 12/03/2009, tài sản đảm bảo là các công trình xây dựng (nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà bảo vệ và các hạng mục, công trình được hoàn thiện sau này) trên khu đất 16.739 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 077830 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/12/2008; tài sản thế chấp bổ sung theo phụ lục 09.0015/TC-VCB.HY/PL02 là nhà xưởng sản xuất 01 (994m²) thuộc dự án đầu tư mở rộng "Nhà máy sản xuất sản phẩm Inox" được xây dựng hoàn thiện năm 2012 và các khoản tiền bảo hiểm (nếu có) của các tài sản này. Giá trị tài sản thế chấp được xác định là 5.500.000.000 VNĐ (theo phụ lục 09.0015/TC-VCB.HY/PL02).

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11.0016/TC-NHNT.HY ký ngày 06 tháng 07 năm 2011 giữa Ngân hàng và bên thứ ba là Ông Nguyễn Văn Quảng và bà Nguyễn Diệu Linh.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 12.0003/TC-VCB.HY ngày 13/01/2012, tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được Bên thế chấp đầu tư vào dự án mở rộng "Nhà máy sản xuất sản phẩm Inox" tại xã Trung Trắc huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên bao gồm: Dây truyền sản xuất cây Inox, hệ thống ủ dây, tủ điện. Giá trị tài sản tạm tính là 3.978.000.000 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.0111/TC-VCB.HY ngày 15/5/2014, tài sản thế chấp là dây chuyền máy kéo thép, dây chuyền sản xuất cây Inox đặc, xe ô tô Lexus BKS: 30A-16762, xe ô tô Venza BKS: 89K-9919, xe ô tô Kia Morning BKS 29A-42402, xe ô tô Hiace BKS 29B-00900, xe ô tô tải Hyundai Porter BKS 89K-4864. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 7.000.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.0019/TC-VCB.HY ngày 24/01/2014, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải Hino Seri 500, Model FC9JLSW, cabin trắng, sản xuất năm 2014 và được Bên thế chấp dự kiến mua theo Hợp đồng mua bán số 01/VLA-TQ/14 ký giữa Bên thế chấp và Công ty cổ phần ô tô Vũ Linh. Giá trị tài sản tạm tính là 725.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.0010/TC-VCB.HY ngày 19/01/2015, tài sản thế chấp là máy móc hình thành từ vốn tự có và vốn vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên bao gồm: dây chuyền máy kéo dây, hệ thống lò ủ và 01 máy kéo dây theo hợp đồng ngoại thương số JC/20141028 ngày 28/10/2014 được ký giữa Công ty CP tập đoàn Thiên Quang và Yangzhou Jincheng Stainless Steel Manufacture Co;Ltd. Giá trị tài sản tạm tính là 5.500.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 18.0010/TC-VCB.KH ngày 09 tháng 3 năm 2018; Phụ lục hợp đồng thế chấp hàng hóa số 18.0010/TC-VCB.KH/PL01 ngày 28 tháng 6 năm 2019, tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của bên thế chấp là nguyên vật liệu; bán thành phẩm; thành phẩm phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh thép không gỉ, dây, cây inox, hoạt động sản xuất kinh doanh xốp, nhựa và các mặt hàng khác được kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của công ty. Giá trị tài sản đảm bảo tại mọi thời điểm tối thiểu 50.000.000.000 VND.

b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng số 300196877/2019-HĐCVHM/NHCT342-TQ ngày 14 tháng 06 năm 2019. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là từ 07/06/2018 đến 31/05/2019. Hạn mức dư nợ vay là 65.000.000.000 VND (hạn mức này đã bao gồm tất cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 01-300196877/2018 ngày-HĐTDHM/NHCT342-TQ ngày 07 tháng 6 năm 2018). Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay kỳ tính lãi đầu tiên là 9%/năm và được điều chỉnh hàng tháng theo từng lần giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp số 300196877-07/HĐTC/VietinBank-TQ ngày 08/10/2014, tài sản đảm bảo là thẻ tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng do Vietinbank Hưng Yên phát hành, số Seri: VB0089123 ngày 8 tháng 10 năm 2014, số tiền: 10.000.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 300196877-08/HĐTC/Vietinbank-TQ ngày 03 tháng 7 năm 2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang tại thửa đất tại địa chỉ: khu 2 - C30, ngõ 409 Tam Trinh phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất là nhà ở liền kề với tổng diện tích sàn xây dựng là 361,6m². Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 8.747.840.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp số 300196877-05 và số 300196877-06 ngày 14 tháng 8 năm 2014, tài sản đảm bảo là 50% giá trị hàng tồn kho và quyền đòi nợ luân chuyển thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. Giá trị hàng tồn kho và quyền đòi nợ tại thời điểm ký kết hợp đồng lần lượt là 113.670.260.321 VND và 120.396.469.871 VND. Công ty cũng cam kết rằng tại mọi thời điểm, 50% giá trị hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu khách hàng luân chuyển không thấp hơn số dư tín dụng ngắn hạn.

- Hợp đồng thế chấp số 300196877-09/HĐTC- TQ ngày 06 tháng 7 năm 2015, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị của dây chuyền xốp nhựa. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định là 6.401.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 300196877-10/HĐBĐ/NHCT342-MMTB-TQ ngày 06 tháng 6 năm 2018, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị của dây chuyền xốp nhựa. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định là 15.844.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 300196877-11/2018/HĐBĐ/NHCT342-Giang Bien-TQ ngày 30 tháng 5 năm 2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 394136 tại số TT5A-25, Khu đấu giá phường Giang Biên, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, số vào sổ cấp GCN CT-DA01376 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 01/08/2017.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 300196877-12/HĐBĐ/NHCT342-MMTB-TQ ngày 12 tháng 10 năm 2018, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất thép không gỉ. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định là 4.747.500.000 VNĐ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	91.305.463.258	296.192.594.033	(300.864.445.062)	86.633.612.229
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	29.642.859.762	118.685.553.505	(118.321.101.087)	30.007.312.180
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	61.662.603.496	177.507.040.528	(182.543.343.975)	56.626.300.049
Cộng	91.305.463.258	296.192.594.033	(300.864.445.062)	86.633.612.229

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	303.552.510	347.102.593	(568.500.000)	82.155.103
Số cuối năm	303.552.510	347.102.593	(568.500.000)	82.155.103



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	238.433.050.000	4.009.073.066	8.694.627.777	251.136.750.843
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	6.942.051.865	6.942.051.865
Trích lập các quỹ	-	406.021.646	(406.021.646)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(203.010.823)	(203.010.823)
Số dư cuối năm trước	238.433.050.000	4.415.094.712	15.027.647.173	257.875.791.885
Số dư đầu năm nay	238.433.050.000	4.415.094.712	15.027.647.173	257.875.791.885
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	748.183.984	748.183.984
Trích lập các quỹ (*)	-	1.735.512.965	(1.735.512.965)	-
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	(114.426.522)	-	(114.426.522)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(347.102.593)	(347.102.593)
Số dư cuối năm nay	238.433.050.000	6.036.181.155	13.693.215.599	258.162.446.754

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2704/2019/NQ-HĐQT ngày 27/04/2019 thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 20% LNST, tương ứng 1.388.410.372 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 5% LNST, tương ứng 347.102.593 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% LNST, tương ứng 347.102.593 VND

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.843.305	23.843.305
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	23.843.305	23.843.305
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.843.305	23.843.305
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.843.305	23.843.305
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.843.305	23.843.305
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	9.396,27	169.748,22
Euro (EUR)	270.673,09	387,31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	459.068.184.433	457.130.140.028
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	226.806.093.049	180.314.560.748
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	232.262.091.384	276.815.579.280
Các khoản giảm trừ doanh thu:	634.424.655	(558.004.818)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	634.424.655	(488.155.726)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>		(69.849.092)
Doanh thu thuần	<u>458.433.759.778</u>	<u>456.572.135.210</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	226.171.668.394	180.049.101.017
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	232.262.091.384	276.523.034.193

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	216.307.807.422	168.898.050.987
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	217.186.328.295	252.066.554.402
Cộng	<u>433.494.135.717</u>	<u>420.964.605.389</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	754.691.573	790.902.136
Lãi tiền cho vay	204.500.000	4.444.444
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	241.730.884	509.755.062
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	59.977.876	1.756.443
Cộng	<u>1.260.900.333</u>	<u>1.306.858.085</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.751.799.756	6.548.252.274
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	746.055.065	2.064.317.632
Cộng	<u>7.497.854.821</u>	<u>8.612.569.906</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.001.945.408	3.104.750.400
Chi phí vật liệu, bao bì	992.914.750	1.087.806.324
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	192.685.588	159.191.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	815.500.675	859.247.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.197.330.829	2.391.812.860
Chi phí bằng tiền khác	397.541.437	330.857.583
Cộng	<u>7.597.918.687</u>	<u>7.933.665.939</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.182.841.483	4.144.914.518
Chi phí đồ dùng văn phòng	881.053.560	1.259.404.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.035.523.385	2.182.560.697
Thuế, phí và lệ phí	12.631.024	191.315.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.268.732.422	1.936.515.344
Chi phí bằng tiền khác	1.820.079.088	2.369.927.637
Cộng	<u>10.200.860.962</u>	<u>12.084.638.289</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bồi thường hàng lỗi	3.517.500	38.489.344
Thu phí bảo lãnh	26.523.164	-
Lãi thu phạt quá hạn thanh toán	288.166.003	461.674.822
Hàng nhập thừa không phải trả lại	8.997.750	74.172.285
Thu nhập khác	7.029.284	4.608.020
Cộng	<u>334.233.701</u>	<u>578.944.471</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	63.608.930	4.014.256
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.511.183	4.944.168
Chi phí ủng hộ từ thiện	10.000.000	50.000.000
Chi phí khác	155.982	316.480
Cộng	<u>84.276.095</u>	<u>59.274.904</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.153.847.530	8.803.183.339
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	553.851.398	502.474.033
+ Chi phí khấu hao	553.851.398	506.221.245
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá của tiền	490.242.468	502.206.989
+ Phạt chậm nộp thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	63.608.930	4.014.256
+ Thu nhập đã nộp thuế ở những kỳ trước	-	(3.747.212)
Thu nhập chịu thuế	1.707.698.928	9.305.657.372
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	341.539.786	1.861.131.474
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	64.123.760	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	405.663.546	1.861.131.474

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	748.183.984	6.942.051.865
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(37.409.199)	(347.102.593)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(37.409.199)	(347.102.593)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	710.774.785	6.594.949.272
	23.843.305	23.843.305
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	277

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay đã loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính bằng 5% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 số 2704/2019 ngày 27 tháng 4 năm 2019.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	23.843.305	23.843.305
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.843.305	23.843.305

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.007.153.969	172.537.558.443
Chi phí nhân công	19.417.936.321	17.105.614.618
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.225.498.561	5.169.440.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.619.563.807	11.171.021.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.681.197.627	12.357.045.013
Chi phí khác	2.236.270.473	2.907.897.944
Cộng	<u>251.187.620.758</u>	<u>221.248.577.853</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Bù trừ công nợ phải thu – phải trả	2.163.551.053

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban lãnh đạo		
Vay tiền thành viên Ban Lãnh đạo	-	500.000.000
Trả tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	-	5.500.000.000
Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.823.319.824	2.255.300.262
Cộng	<u>1.823.319.824</u>	<u>2.255.300.262</u>

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên phát hành ngày 08 tháng 10 năm 2014, số Seri: VB0089123 số tiền: 10.000.000.000 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 300196877-07/HĐTC/Vietinbank-TQ ngày 08 tháng 10 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Thông tin về bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất và buôn bán sản phẩm thép không gỉ.
- Sản xuất và buôn bán sản phẩm nhựa xốp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất, buôn bán thép không gỉ	Lĩnh vực sản xuất, buôn bán nhựa xốp	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	401.301.925.083	57.131.834.695	458.433.759.778
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	401.301.925.083	57.131.834.695	458.433.759.778
Chi phí bộ phận	(383.553.672.935)	(49.940.462.782)	(433.494.135.717)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.748.252.148	7.191.371.913	24.939.624.061
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(17.798.779.649)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.140.844.412
Doanh thu hoạt động tài chính			1.260.900.333
Chi phí tài chính			(7.497.854.821)
Thu nhập khác			334.233.701
Chi phí khác			(84.276.095)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(405.663.546)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			748.183.984
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.241.891.846	461.535.860	3.703.427.706
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.500.320.841	1.637.257.108	13.137.577.949



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất, buôn bán thép không gỉ	Lĩnh vực sản xuất, buôn bán nhựa xốp	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	328.307.453.846	39.202.339.540	367.509.793.386
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	38.257.064.273
Tổng tài sản	328.307.453.846	39.202.339.540	405.766.857.659
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	50.586.887.053	6.989.638.179	57.576.525.232
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	90.027.885.673
Tổng nợ phải trả	50.586.887.053	6.989.638.179	147.604.410.905



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	86.633.612.229	-	-	86.633.612.229
Phải trả người bán	56.914.416.976	-	-	56.914.416.976
Các khoản phải trả khác	2.038.208.791	-	-	2.038.208.791
Cộng	145.586.237.996	-	-	145.586.237.996
Số đầu năm				
Vay và nợ	91.305.463.258	-	-	91.305.463.258
Phải trả người bán	80.249.884.436	-	-	80.249.884.436
Các khoản phải trả khác	2.320.611.215	-	-	2.320.611.215
Cộng	173.875.958.909	-	-	173.875.958.909

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.380.901.875	6.731.476.850	13.380.901.875	6.731.476.850
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	154.992.042.148	176.859.018.067	154.992.042.148	176.859.018.067
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	4.000.000.000	3.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản phải thu khác	209.508.405	377.293.933	209.508.405	377.293.933
Cộng	181.582.452.428	197.967.788.850	181.582.452.428	197.967.788.850
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	86.633.612.229	91.305.463.258	86.633.612.229	91.305.463.258
Phải trả người bán	56.914.416.976	80.249.884.436	56.914.416.976	80.249.884.436
Các khoản phải trả khác	2.038.208.791	2.320.611.215	2.038.208.791	2.320.611.215
Cộng	145.586.237.996	173.875.958.909	145.586.237.996	173.875.958.909

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thức năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 17 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Hoài Thương

Phan Thị Hoài Thương

Nguyễn Văn Quảng

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quảng